

Bản án số: **164/2021/DS-PT**

Ngày: 18/11/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Võ Bích Hải.

2/- Nguyễn Thị Tuyết Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Khương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLPT-DS ngày 06/5/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DSST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2021/QĐPT-DS ngày 05/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh N.** sinh năm: 1972.

Bà **Nguyễn Thị Đ.** sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C**

Địa chỉ: số B đường N, phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch N. Địa chỉ: Lầu X, số Y đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: anh Huỳnh Cảnh K. sinh năm: 1988 và Trần Phương Kh. sinh năm: 1992; Chuyên viên tố tụng (*văn bản ủy quyền ngày 06/01/2021*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Nguyễn Thị Tuyết M.** sinh năm: 1991.

- Anh **Nguyễn Nhựt K.** sinh năm: 1998.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Anh **Nguyễn Thanh H.** sinh năm: 1981. Địa chỉ: ấp Thạnh Phú 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ngân hàng TMCP C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Ngày 10/10/2011 ông bà có vay số tiền 300.000.000đ tại Ngân hàng TMCP P nay là Ngân hàng TMCP C, có thế chấp 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị Tuyết M đứng tên, được cấp cùng ngày 11/11/2010 gồm:

- Giấy số CH00625, diện tích 3.654m², thửa 910 (đất trồng cây hàng năm).
- Giấy số CH00621, diện tích 6.727m², thửa 304 (đất trồng lúa).
- Giấy số CH00624, diện tích 2.745m², thửa 306 (đất trồng lúa).
- Giấy số CH00623, diện tích 2.035m², thửa 308 (đất trồng lúa).
- Giấy số CH00622, diện tích 2.600m², thửa 1138 (đất trồng lúa).

Do đầu tư kinh doanh thua lỗ không khả năng trả nợ đúng hạn, đến năm 2017 ông bà trả được vốn gốc 300 triệu nhưng Ngân hàng cũng không kiện đòi. Nhận thấy càng kéo dài thời gian thì ông bà sẽ càng thiệt hại vì phải chịu lãi, nên khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng tín dụng và đồng ý trả thêm 300 triệu tiền lãi để Ngân hàng trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M.

** Bị đơn Ngân hàng TMCP C thông qua người đại diện theo ủy quyền anh Trần Phương Kh trình bày:*

Ngày 10/10/2011 nguyên đơn có vay của Ngân hàng TMCP P nay là Ngân hàng TMCP C số tiền 300 triệu, theo Hợp đồng tín dụng số: 313/2011/HĐHM-CN.TN, thời hạn 06 tháng; có lập Hợp đồng thế chấp số 313/2011/HĐTC-CN.TN ngày 06/10/2011 để đảm bảo nợ vay là 05 giấy chứng nhận QSDĐ như nêu trên. Quá trình vay, nguyên đơn đã trả cho Ngân hàng được 300 triệu nợ gốc và 6.823.042đ nợ lãi.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng không đồng ý hủy Hợp đồng tín dụng và có phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả nợ theo hợp đồng. Tính đến ngày 25/12/2020 nguyên đơn còn nợ Ngân hàng 603.847.867đ tiền lãi; trong đó: nợ lãi trong hạn 31.331.292đ, nợ lãi quá hạn 380.798.000đ, nợ lãi phạt trên nợ gốc quá hạn 190.099.000đ và nợ lãi chậm trả 1.619.575đ. Trường hợp nguyên đơn không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì nguyên đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Chị là con của ông N, bà Đ, chị có dùng tài sản của mình là 05 giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên để thế chấp đảm bảo cho cha mẹ vay Ngân hàng. Chị đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng tín dụng để Ngân hàng trả lại các giấy tờ đất và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

+ Anh Nguyễn Thanh H trình bày: Tháng 5/2017 nguyên đơn có cổ cho anh 04 thửa đất 304, 306, 308 và 1138 nói trên với giá 300 triệu, thời hạn cổ đến tháng 5/2020. Do nguyên đơn chưa chuộc lại đất nên anh tiếp tục sử dụng. Việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi đất để thanh toán nợ, anh không ý kiến, không có yêu cầu độc lập và đồng ý theo phán quyết của Tòa án. Còn việc cổ đất anh tự giải quyết, nếu cần thiết sau này anh sẽ khởi kiện riêng.

+ Anh Nguyễn Nhựt K trình bày: Năm 2017 anh có thuê của nguyên đơn thửa đất 910, thời hạn thuê đến năm 2027. Hiện nay do chưa hết thời hạn thuê nên anh đang sử dụng đất. Anh không có ý kiến gì trong việc tranh chấp này,

thống nhất theo phán quyết của Tòa án. Nếu sau này cần thì anh sẽ khởi kiện riêng.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 đã tuyên:

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu hủy Hợp đồng tín dụng.

2/- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bị đơn tổng số tiền 412.129.292đ; trong đó: nợ lãi trong hạn 31.331.292đ, nợ lãi quá hạn 380.798.000đ (tính đến ngày 01/4/2021).

3/- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi tiền lãi phạt trên nợ gốc quá hạn 190.099.000đ và nợ lãi chậm trả 1.619.575đ.

4/- Trường hợp nguyên đơn không trả được nợ thì bị đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ là các quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị Tuyết M đứng tên được cấp cùng ngày 11/11/2020 gồm:

- Giấy số CH00625, diện tích 3.654m², thửa 910 (đất trồng cây hàng năm).*
- Giấy số CH00621, diện tích 6.727m², thửa 304 (đất trồng lúa).*
- Giấy số CH00624, diện tích 2.745m², thửa 306 (đất trồng lúa).*
- Giấy số CH00623, diện tích 2.035m², thửa 308 (đất trồng lúa).*
- Giấy số CH00622, diện tích 2.600m², thửa 1138 (đất trồng lúa).*

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 20/01/2021).

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì nguyên đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/4/2021 bị đơn Ngân hàng TMCP C kháng cáo yêu cầu xem xét phần lãi bản án sơ thẩm tuyên là ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: kháng cáo của bị đơn không có căn cứ, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ y quyết định bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tín dụng, chấp nhận trả thêm tiền lãi 300 triệu để bị đơn trả lại giấy tờ đất. Bị đơn phản tố đòi nợ theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ. Đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tín dụng*” là không chính xác. Vì yêu cầu của đương sự chỉ là nội hàm của quan hệ pháp luật được xác định.

* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm xem xét chấp nhận tiền lãi như yêu cầu phản tố. Xét kháng cáo thấy rằng:

[2] Bị đơn xác định nguyên đơn vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 313/2011/HĐHM-CN.TN ngày 10/10/2011, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 23%/năm trả hàng tháng, cuối kỳ trả vốn gốc. Đánh giá luận cứ này, thấy rằng:

[2.1] Thời hạn vay theo hợp đồng là 06 tháng, tính từ ngày 10/10/2011. Như vậy đến hết ngày 10/4/2012 là hết hạn 06 tháng theo hợp đồng. Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm. Đối chiếu với quy định này, thì kể từ ngày 11/4/2012 quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã bị xâm phạm do nguyên đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy từ ngày 11/4/2012 đến ngày 11/4/2014 là thời hạn 02 năm để Ngân hàng thực hiện quyền khởi kiện đối với ông N, bà Đ. Tuy nhiên Ngân hàng không khởi kiện, mãi đến tháng 9/2020 ông N, bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tín dụng để đòi lại các giấy tờ đất đã thế chấp, thì đến tháng 01/2021 Ngân hàng mới có đơn phản tố yêu cầu ông N, bà Đ phải trả thêm các khoản lãi quá hạn, lãi phạt và lãi chậm trả là đã hết thời hiệu khởi kiện. Trong trường hợp này Ngân hàng chỉ có thể kiện đòi lại tài sản là nợ gốc chứ không được tính lãi.

[2.2] Đồng thời, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; thì việc phạt vi phạm khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng chỉ áp dụng đối với các hợp đồng tín dụng xác lập từ ngày 01/01/2017 trở về sau. Cấp sơ thẩm lập luận, viện dẫn Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP nêu trên để cho rằng Ngân hàng yêu cầu lãi phạt trên nợ gốc quá hạn 190.099.000đ và lãi chậm trả 1.619.575đ = 191.718.575đ không có cơ sở là không đúng.

[3] Tuy nhiên, xét nguyên đơn cũng có lỗi không trả nợ gốc và lãi đúng hạn cả một khoảng thời gian dài, thực sự có ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Ngân hàng, buộc ông N, bà Đ phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn 412.129.292đ (tính đến ngày 01/4/2021) là đã có lợi cho Ngân hàng. Vì vậy kháng cáo yêu cầu trả thêm tiền lãi phạt và lãi chậm trả là không thể chấp nhận được.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Quan điểm của Kiểm sát viên phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 248, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 427 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng TMCP C; Giữ y bản án sơ thẩm.

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu hủy Hợp đồng tín dụng.

2/- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 412.129.292đ (trong đó: lãi trong hạn 31.331.292đ + lãi quá hạn 380.798.000đ).

Trường hợp ông N, bà Đ không trả được nợ thì bị đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Thị Tuyết M đứng tên, được cấp cùng ngày 11/11/2010 gồm:

- Giấy số CH00625, diện tích 3.654m², thửa 910 (đất trồng cây hàng năm).
- Giấy số CH00621, diện tích 6.727m², thửa 304 (đất trồng lúa).
- Giấy số CH00624, diện tích 2.745m², thửa 306 (đất trồng lúa).
- Giấy số CH00623, diện tích 2.035m², thửa 308 (đất trồng lúa).
- Giấy số CH00622, diện tích 2.600m², thửa 1138 (đất trồng lúa).

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tài sản ngày 20/01/2021).

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông N, bà Đ có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

3/- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ngân hàng TMCP C về việc đòi tiền lãi phạt trên nợ gốc quá hạn và nợ lãi chậm trả.

4/- Về án phí: Nguyên đơn chịu 10.243.000đ án phí sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số 012614 ngày 03/12/2020 thành án phí, nên còn phải nộp thêm 9.943.000đ án phí sơ thẩm.

Bị đơn chịu 9.586.000đ án phí sơ thẩm; chuyển số tiền 15.000.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số 002518 ngày 14/01/2021 thành án phí, nên được nhận lại số tiền 5.414.000đ.

Án phí phúc thẩm bị đơn chịu 300.000đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 002753 ngày 15/4/2021 thành án phí; bị đơn nộp xong.

5/- Về chi phí thẩm định tài sản: 7.000.000đ mỗi bên chịu ½; Bị đơn đã nộp tạm ứng và chi xong, nên nguyên đơn phải nộp trả lại bị đơn 3.500.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q. Thốt Nốt.
- Chi cục THADS.Thốt Nốt.
- Lưu (HS - 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Tuấn Quốc